

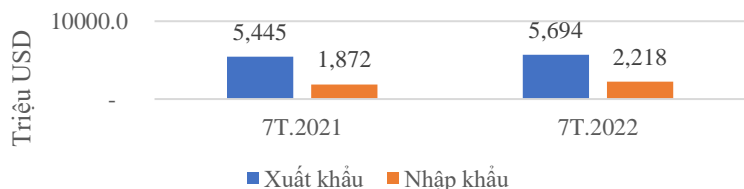
# BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

## Thị trường TRUNG QUỐC



### TÌNH HÌNH CHUNG

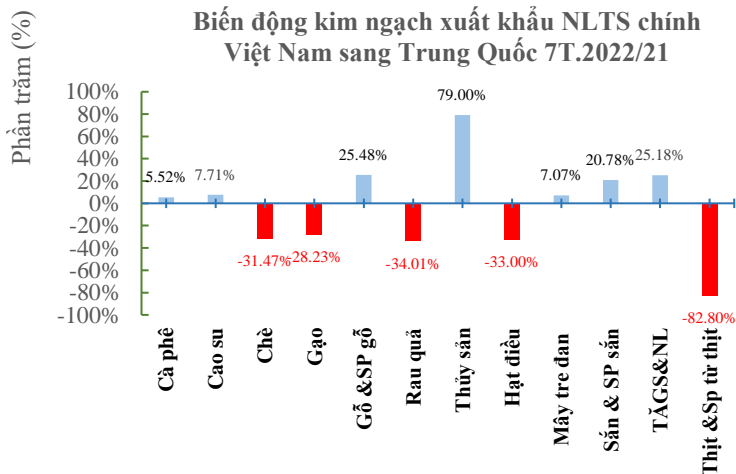
**Xuất khẩu và nhập khẩu NLTS Việt Nam - Trung Quốc**



**So sánh xuất nhập khẩu NLTS chính Việt Nam - Trung Quốc (7T- 2022/2021)**

Xuất khẩu	▲ 27,46%
Nhập khẩu	▲ 32,44%

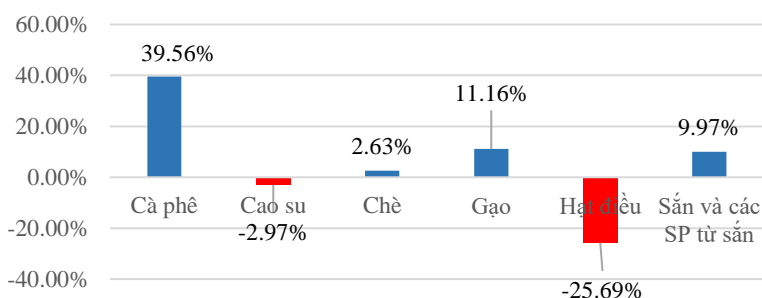
**Biến động kim ngạch xuất khẩu NLTS chính Việt Nam sang Trung Quốc 7T.2022/21**



**So sánh 7T-2022/2021**

Cà phê	▲ 05,52%
Cao su	▲ 07,71%
Chè	▼ 31,47%
Gạo	▼ 28,23%
Gỗ và SP gỗ	▲ 25,48%
Rau quả	▼ 34,01%
Thủy sản	▲ 79,00%
Hạt điều	▼ 33,00%
Mây tre đan	▲ 07,07%
Sắn và SP sắn	▲ 20,78%
TÀGS và NL	▲ 25,18%
Thịt & SP từ thịt	▼ 82,80%

**Biến động giá xuất khẩu BQ T7.2022/T7.2021**



**So sánh giá xuất khẩu tháng 7.2022/2021**

Cà phê	▲ 39,56%
Cao su	▼ 02,97%
Chè	▲ 02,63%
Gạo	▲ 11,16%
Hạt điều	▼ 25,69%
Sắn & SP sắn	▲ 09,97%

## TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Xuất khẩu nông lâm thủy sản (NLTS) chính của Việt Nam sang Trung Quốc trong 7 tháng đầu năm 2022 đạt 5,69 tỷ USD, tăng 4,56% so với cùng kỳ năm 2021; kim ngạch nhập khẩu NLTS từ Trung Quốc đạt 2,22 tỷ USD, tăng 18,5%. Tính riêng tháng 7/2022, kim ngạch xuất khẩu NLTS chính đạt 797,1 triệu USD, giảm 9,7% so với tháng trước và tăng 7,0% so với cùng kỳ năm 2021.

Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Trung Quốc trong tháng 7/2022 là cao su (chiếm 27,6%), gỗ và sản phẩm từ gỗ (chiếm 26,3%), thủy sản (chiếm 13,4%), sắn và sản phẩm sắn (chiếm 10,1%), rau quả (chiếm 10,0%). So với tháng 6/2022, cao su là mặt hàng duy nhất có kim ngạch xuất khẩu tăng; hầu hết các mặt hàng NLTS còn lại có kim ngạch xuất khẩu giảm, nhiều nhất là chè (giảm 47,6%), gạo (giảm 41,7%), thức ăn gia súc và nguyên liệu (giảm 29,5%), sắn và sản phẩm từ sắn (giảm 27,6%), mây tre đan (giảm 24,7%), thủy sản (giảm 19,7%), ạt điều (giảm 6,5%), rau quả (giảm 6,0%), cà phê (giảm 2,9%), gỗ và sản phẩm gỗ (giảm 1,6%). So với cùng kỳ năm ngoái, các mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng là gỗ và sản phẩm gỗ (tăng 91,4%), cà phê (tăng 35,0%), thủy sản (tăng 27,5%), sắn và sản phẩm từ sắn (tăng 15,7%), mây tre đan (tăng 1,3%), hạt điều (tăng 0,4%); các mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm là gạo (giảm 50,9%), rau quả (giảm 32,9%), thức ăn gia súc và nguyên liệu (giảm 12,8%), chè (giảm 11,3%), cao su (giảm 10,3%). *(Chi tiết tại phụ lục đính kèm)*

Theo Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn, tính đến 20h00 ngày 06.09.2022, tổng số phương tiện chờ hàng hóa xuất khẩu còn tồn trên địa bàn tỉnh là 151 xe, trong đó xe chờ hoa quả là 90 xe hoa quả và 61 xe hàng khác. Cụ thể: (i) tại cửa khẩu Quốc tế Hữu Nghị, còn tồn 29 xe (05 xe tại khu trung chuyển và 24 xe tại cửa khẩu Hữu Nghị), trong đó có 18 xe hoa quả, tất cả đều được chờ bằng container lạnh; (ii) tại cửa khẩu phụ Tân Thanh còn tồn 120 xe (tại bãi Bảo Nguyên 114 xe, khu phi thuế quan 06 xe), trong đó có 72 xe hoa quả (tất cả đều được chờ bằng container lạnh); (iii) tại cửa khẩu chính Chi Ma còn tồn 02 xe hạt điều và xoài.

Triển khai nghị định thư về xuất khẩu sầu riêng Việt Nam sang Trung Quốc, từ ngày 15/7 đến 4/9, Hải quan Trung Quốc đã tiến hành đánh giá kiểm định qua hình thực trực tuyến các vườn trồng và cơ sở đóng gói, kết hợp với các tài liệu liên quan. Sau khi xem xét toàn diện, Trung Quốc đánh giá các vườn sầu riêng và cơ sở đóng gói của Việt Nam về cơ bản có thể tiến hành trồng, sản xuất, chế biến theo đúng yêu cầu của Nghị định thư, công tác kiểm dịch, giám sát đã được thực hiện tốt. Hệ thống phòng ngừa và kiểm soát dịch Covid-19 của các doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn, về cơ

bản có thể đảm bảo rằng sầu riêng Việt Nam đáp ứng các yêu cầu vệ sinh và an toàn thực phẩm của Trung Quốc. Ngày 7/9, Tổng cục Hải quan Trung Quốc thông báo, 25 mã số cơ sở đóng gói sầu riêng và 51 vùng trồng sầu riêng Việt Nam được Trung Quốc phê duyệt. Danh sách này đã được Hải quan Trung Quốc công bố trên website <http://dzs.customs.gov.cn/dzs/2747042/3995819/sg38/3974291/index.html>.

Theo số liệu của Cục Thống kê Trung Quốc, trong tháng 7, doanh số bán lẻ tại nước này tăng 2,7% so với cùng kỳ năm trước, nhưng thấp hơn so với mức tăng 3,1% của tháng 6; sản xuất công nghiệp tăng 3,8% so với cùng kỳ năm trước, nhưng giảm so với mức tăng 3,9% trong tháng 6. Ngoài ra, tỉ lệ thất nghiệp của những người từ 16 - 24 tuổi đã tăng lên mức cao kỷ lục ở mức 19,9%, tăng so với mức 19,3% của tháng 6. Còn hoạt động đầu tư vào bất động sản giảm 6,4% trong 7 tháng đầu năm nay và giá nhà mới tại 70 thành phố lớn đã giảm tháng thứ 11 liên tiếp trong tháng 7.

Sau khi Cục Thống kê Trung Quốc công bố số liệu tháng 7/2022, hàng loạt ngân hàng đầu tư hạ dự báo tăng trưởng cả năm 2022 của Trung Quốc, từ 3,3% còn 3% (Goldman Sachs), từ 3,3% xuống còn 2,8% (Nomura), và từ 3,9% xuống còn 3,5% (Bloomberg), v.v. mức thấp hơn nhiều so với mục tiêu 5,5% của Bắc Kinh.

Ngày 15.8, Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBOC) thông báo cắt giảm lãi suất 10 điểm cơ bản từ 2,85% xuống 2,75% với các khoản vay trung hạn, 1 năm, trị giá 400 tỉ nhân dân tệ (59 tỉ USD) với một số ngân hàng. Ngân hàng trung ương Trung Quốc cũng hạ lãi suất theo các thỏa thuận mua lại đảo ngược trong 7 ngày từ 2,10% xuống 2,00%.

Theo Nikkei, Trung Quốc công bố cắt giảm lãi suất trong nỗ lực thúc đẩy nền kinh tế đang gặp khó khăn khi sản xuất công nghiệp và doanh số bán lẻ suy yếu, trong khi tỉ lệ thất nghiệp ở thanh niên ở mức cao kỷ lục. Hăng tin này lưu ý, nền kinh tế lớn thứ 2 thế giới vẫn chưa phục hồi vững chắc và chỉ vừa đủ tránh được suy giảm trong quý thứ 2 của năm 2022 khi liên tục triển khai các đợt phong tỏa ngừa COVID-19 nghiêm ngặt, tác động tới sản lượng của các nhà máy và chi tiêu của người tiêu dùng.

Trung Quốc tiếp tục hạ lãi suất cho vay hôm 22/8, chỉ một tuần sau khi ngân hàng trung ương nước này bất ngờ cắt giảm 2 loại lãi suất khác. Cụ thể, Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBOC) vừa giảm 15 điểm cơ bản đối với lãi suất cho vay chuẩn (LPR) thời hạn 5 năm, từ 4,45% xuống 4,3%, đồng thời giảm 5 điểm cơ bản đối với LPR thời hạn 1 năm, xuống 3,65%. Hầu hết các khoản vay mới ở Trung Quốc đang căn cứ trên LPR 1 năm.

Theo Reuters, PBOC biết rằng kích thích quá nhiều có thể tạo thêm áp lực lạm phát và có nguy cơ đẩy dòng vốn ra nước ngoài trong thời điểm Cục Dự trữ Liên bang

Mỹ và nhiều nền kinh tế khác tích cực tăng lãi suất. Dù vậy, nhu cầu tín dụng yếu khiến PBOC buộc phải làm như thế để cố giữ kinh tế Trung Quốc không bị "chìm". Nền kinh tế số 2 thế giới tránh được cảnh tăng trưởng âm trong quý II năm nay song ông Raymond Yeung, nhà kinh tế tại Tập đoàn Ngân hàng Úc và New Zealand, chỉ ra: "Các dữ liệu kinh tế tháng 7 của Trung Quốc rất đáng báo động".

Theo số liệu chính thức, khối lượng hàng hóa vận chuyển bằng đường sắt của Trung Quốc, thước đo chủ chốt của hoạt động kinh tế, trong 7 tháng đầu năm, đã tăng 5,9% so với cùng kỳ năm ngoái. Chỉ riêng trong tháng 7, ngành đường sắt đã vận chuyển 414,33 triệu tấn hàng hóa, tăng 12,3% so với cùng kỳ năm trước. Vận tải đường sắt ở Trung Quốc là lĩnh vực giao thông đường dài đóng vai trò quan trọng ở đất nước này. Tính đến năm 2021, Trung Quốc sở hữu hơn 150.000 km đường sắt và là nước có mạng lưới đường sắt dài thứ hai thế giới. Trung Quốc cũng đang chuyển hướng mạnh sang vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu bằng đường sắt với các đối tác thương mại để khắc phục tình trạng ùn ứ hàng hóa tại các cảng biển do các biện pháp phòng chống dịch COVID-19, cũng như cước vận tải biển ngày càng cao.

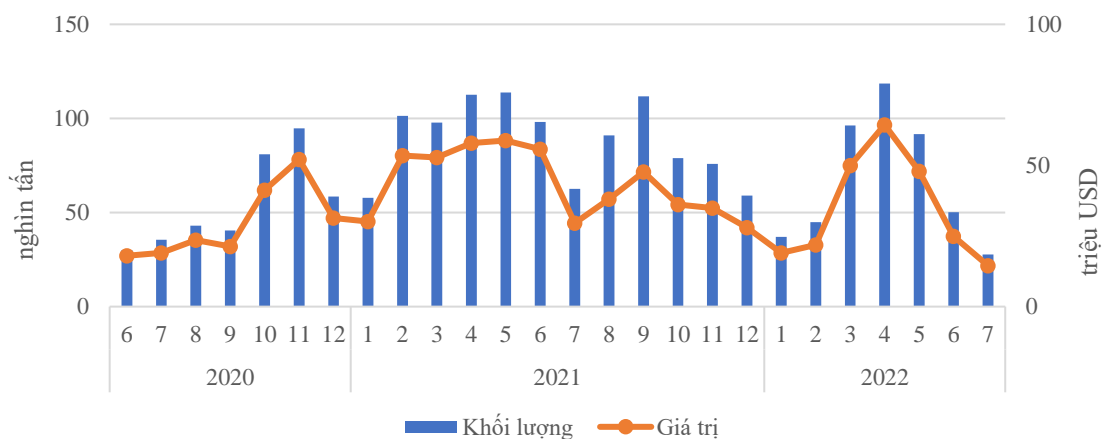
Đợt hạn hán và nắng nóng khắc nghiệt nhất trong vòng 60 năm qua tại nhiều tỉnh thành ở Trung Quốc khiến cho nhiều hệ thống sông, hồ và hồ chứa bị thu hẹp, buộc chính quyền các địa phương phải tăng cường nỗ lực khai thác nước ngầm để lấy nước tưới. Ngày 23/8, Cơ quan Dự báo khí tượng thủy văn Trung Quốc tiếp tục ban bố cảnh báo nhiệt độ cao nhất, với nhiều khu vực thuộc các tỉnh Hồ Nam, Tứ Xuyên, Trùng Khánh, phía tây nam và tỉnh Giang Tây, miền đông đất nước phải đối diện với nền nhiệt độ cao từ 40<sup>0</sup>C trở lên trong những ngày tới. Các khu vực bị ảnh hưởng bởi nắng nóng là những vùng sản xuất lúa chính ở Trung Quốc. Trong khi đó, lúa gạo hiện là loại cây lương thực lớn nhất ở Trung Quốc, chiếm khoảng 40% sản lượng ngũ cốc vụ thu, trong khi đó cây trồng vụ thu chiếm tới 3/4 sản lượng ngũ cốc hàng năm của cả nước. Tác động của hạn hán tồi tệ năm nay đối với sản lượng ngũ cốc vụ thu đang làm dấy lên một số lo lắng về an ninh lương thực và đe dọa mục tiêu tổng sản lượng lương thực cả năm của Trung Quốc trong năm nay là 650 triệu tấn.

# CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

## 1. LÚA GẠO

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 7/2022, Việt Nam xuất khẩu được 27,6 nghìn tấn gạo, trị giá 14,5 triệu USD sang Trung Quốc giảm 44,9% về khối lượng và 41,7% về giá trị so với tháng trước, và giảm 55,8% về khối lượng và 50,9% về giá trị so với cùng kỳ 2021. Tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường này trong 7 tháng đầu năm 2022 đạt 466,2 nghìn tấn, trị giá 242,7 triệu USD, giảm 27,5% về khối lượng và 28,2% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

**Hình 1: Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang Trung Quốc**



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường Trung Quốc tháng 7/2022 đạt 526,3 USD/tấn, tăng 5,8% so với tháng trước và 11,2% so với cùng kỳ năm 2021.

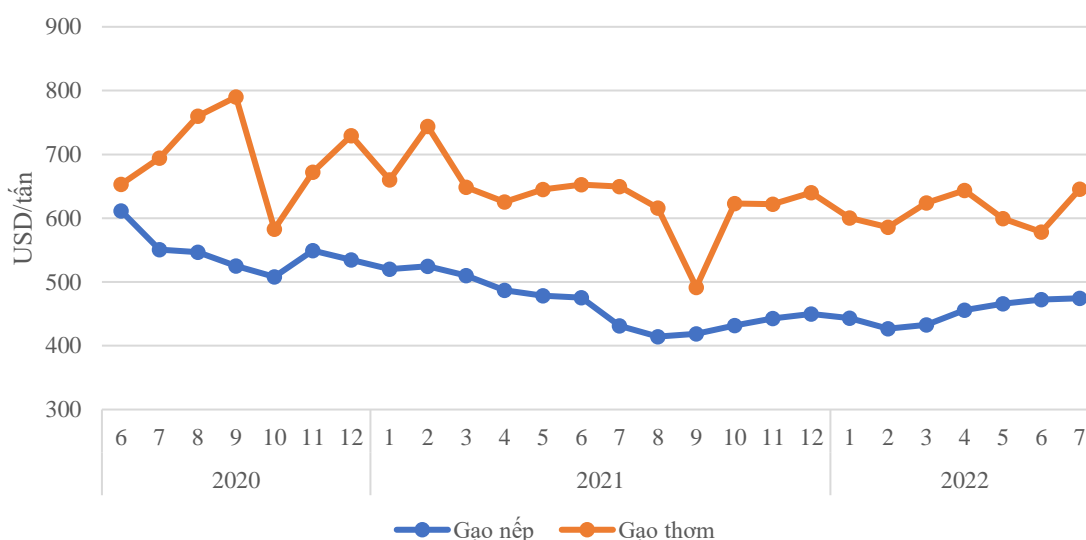
**Hình 2: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Trung Quốc**



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 7/2022, gạo nếp là mặt hàng xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam sang Trung Quốc với kim ngạch 18,4 nghìn tấn và 8,8 triệu USD (chiếm 66,7% về khối lượng và 60,3% về giá trị); so với cùng kỳ năm ngoái, xuất khẩu gạo nếp đã giảm 59,0% về khối lượng và 54,7% về giá trị. Giá xuất khẩu gạo nếp đạt 474,6 USD/tấn, tăng 0,5% so với tháng trước nhưng giảm 10,1% so với cùng kỳ năm ngoái.

**Hình 3: Giá xuất khẩu gạo nếp và gạo thơm sang thị trường Trung Quốc**



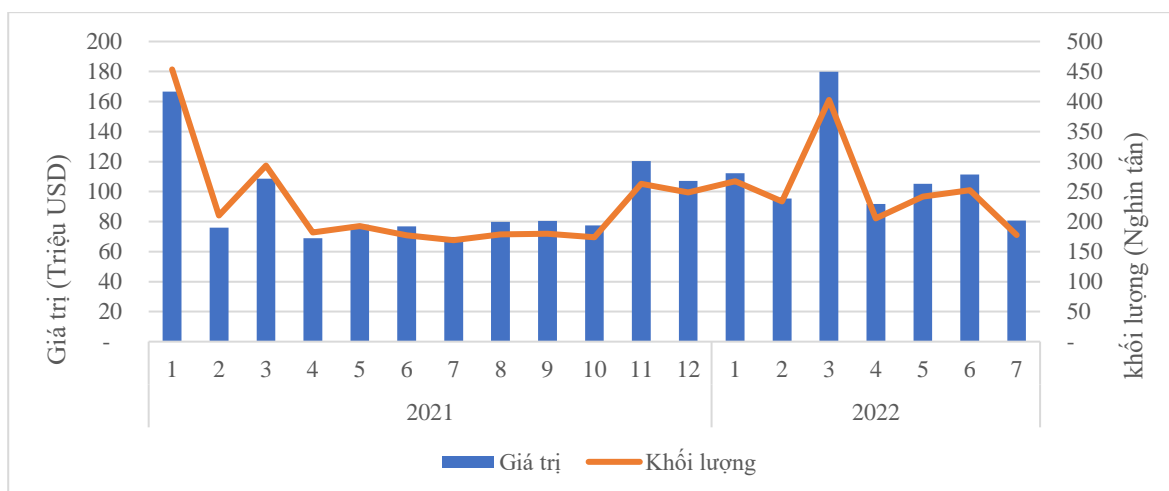
*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

## 2. SẢN VÀ SẢN PHẨM TỪ SẢN

Theo Trung tâm Nghiên cứu Công nghệ nông nghiệp ngành sản Trung Quốc phân tích từ số liệu của Tổng cục Hải quan Trung Quốc, trong 7 tháng đầu năm 2022 quy mô nhập khẩu tinh bột sản của Trung Quốc tiếp tục tăng đáng kể, với khối lượng là 2,6098 triệu tấn, trị giá 1,368 tỷ USD, tăng lần lượt 33,76% và 48,11% so với cùng kỳ năm ngoái.

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 7/2022, Việt Nam xuất khẩu được 177,8 nghìn tấn sản và sản phẩm từ sản, trị giá 80,6 triệu USD sang thị trường Trung Quốc, giảm 29,5% về khối lượng và 27,56% về giá trị so với tháng 6/2022; tăng 5,2% về khối lượng và 15,745% về giá trị so với cùng kỳ 2021. Lũy kế 7 tháng đầu năm 2022, khối lượng xuất khẩu sản và sản phẩm từ sản sang thị trường này đạt gần 1,8 triệu tấn, trị giá 768,2 triệu USD, tăng 6,7% về khối lượng và tăng 20,8% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021.

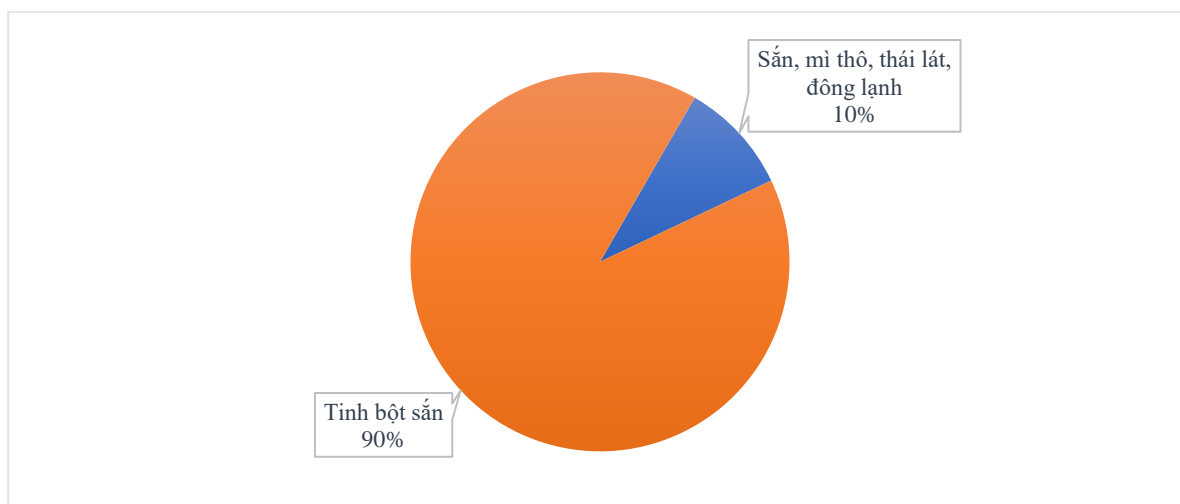
**Hình 4: Khối lượng và giá trị xuất khẩu sản và sản phẩm từ sản sang Trung Quốc**



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về cơ cấu, thị trường Trung Quốc chiếm 92,4% về khối lượng và 92% về giá trị xuất khẩu sản của Việt Nam trong tháng 7 năm 2022. Trong đó, giá trị xuất khẩu tinh bột sắn đạt 72,9 triệu USD, chiếm 90% tổng giá trị xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, tăng 27,2% so với cùng kỳ năm 2021; sắn lát, đông lạnh đạt 7,75 triệu USD (chiếm 10%), giảm 37,6% so với cùng kỳ năm trước

**Hình 5: Cơ cấu xuất khẩu sản sang thị trường Trung Quốc**



Nguồn: Tổng cục Hải quan

### 3. RAU QUẢ

Trong nửa đầu năm nay, nguồn cung chuỗi của Trung Quốc tiếp tục khan hiếm và giá tiếp tục tăng cao, lượng và giá chuỗi nhập khẩu cũng tăng theo. Cụ thể, Trung Quốc đã nhập khẩu 1,11 triệu tấn chuối, trị giá 562 triệu USD, tăng 9,93% về lượng và tăng 26,35% về giá trị so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, Philippines vẫn là

nguồn nhập khẩu chuối số một của Trung Quốc, đạt 400.600 tấn (36,04%), tiếp theo là Việt Nam, Campuchia và Ecuador, lần lượt đạt 353.700 tấn (31,82%), 151.800 tấn (17,44%) và 112.400 tấn. (10,01%).

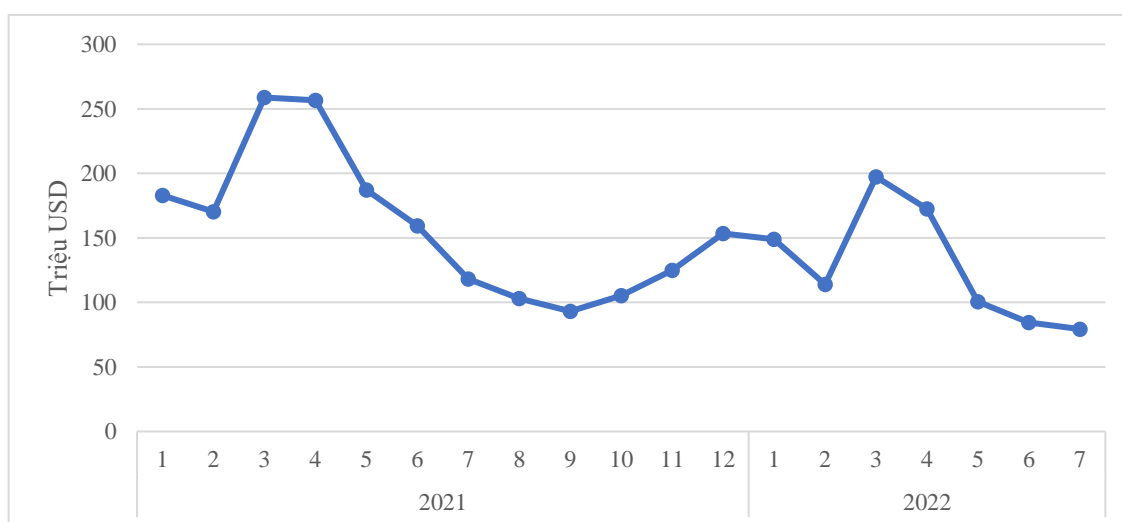
Thanh long vàng và đỏ của Ecuador được phép xuất khẩu vào thị trường Trung Quốc từ ngày 27/7/2022 nếu đáp ứng các yêu cầu trong Nghị định thư ký giữa Tổng cục Hải quan Trung Quốc và Cơ quan quản lý Kiểm soát vệ sinh thực vật và động vật Ecuador về Yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với thanh long Ecuador xuất khẩu sang Trung Quốc. Theo đó, trước khi đóng gói, thanh long phải được phân loại, rửa sạch để đảm bảo hàng xuất khẩu không có sinh vật gây hại, tàn dư thực vật và bùn đất.

Lê tươi Trung Quốc đáp ứng các yêu cầu liên quan sẽ được phép xuất khẩu sang Ecuador từ ngày 29/7. Trong đó, có 17 loài dịch hại kiểm dịch mà Ecuador quan tâm, bao gồm ruồi đục quả và sâu đục quả, và các biện pháp phòng chống và kiểm soát cụ thể đã được đưa ra.

Trung Quốc đã đình chỉ nhập khẩu một số loại trái cây (nho, chanh, cam) và cá từ Đài Loan kể từ ngày 3/8/2022.

Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Trung Quốc tháng 7 năm 2022 đạt 79,3 triệu USD, chiếm 31,8% tổng giá trị xuất khẩu, giảm 6,0% so với tháng trước và giảm 32,9% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 7 tháng đầu năm 2022, giá trị xuất khẩu rau quả sang Trung Quốc đạt 877,6 triệu USD (chiếm 45,5% thị phần), giảm 34,0% so với cùng kỳ năm 2021.

**Hình 6: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Trung Quốc**



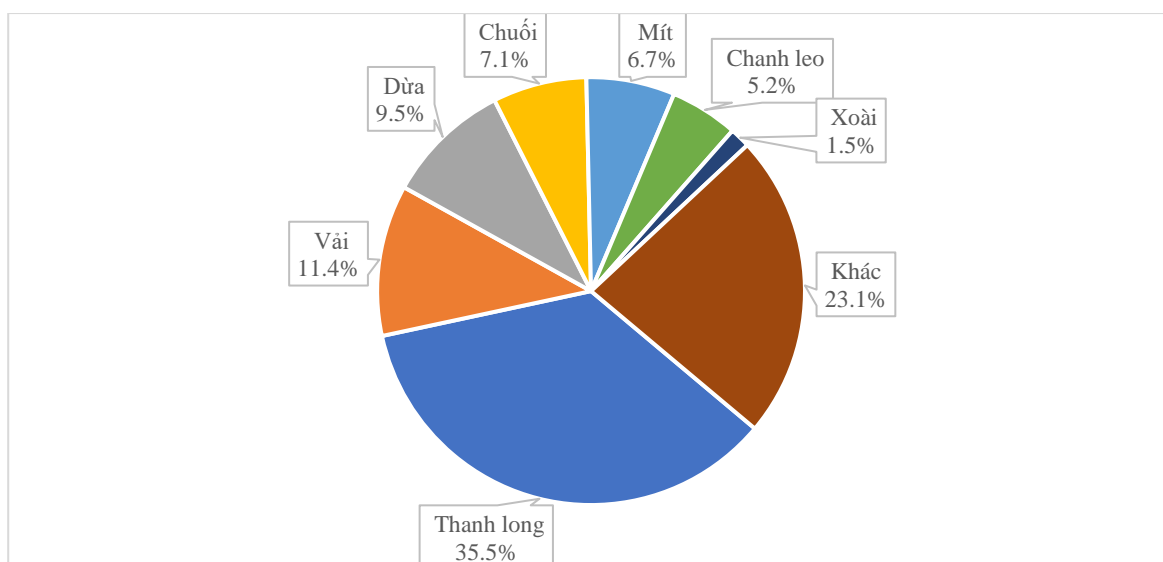
*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Trung Quốc tháng 7 năm 2022, mặt hàng rau quả tươi, khô, đông lạnh, sơ chế đạt 58,3 triệu USD (chiếm 73,6% thị phần, giảm 41,0% so với cùng kỳ năm 2021) và rau quả chế biến đạt gần 21 triệu

USD (chiếm 26,4%), tăng 8,0%. So sánh với cùng kỳ năm 2021, trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS.2008) đạt 13,3 triệu USD, tăng 13,1%; nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) đạt 6,2 triệu USD, giảm 0,4%; mứt rau, quả (mã HS.2006) đạt 1,0 triệu USD, tăng 63,1%; v.v.

Trong tháng 7 năm 2022, các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu cao nhất bao gồm: thanh long đạt 28,2 triệu USD (chiếm 35,5% tổng giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường này), giảm 56,4% so với cùng kỳ năm 2021; vải đạt 9,1 triệu USD (chiếm 11,4%), tăng 92,8%; dứa đạt 7,5 triệu USD (chiếm 9,5%), tăng 126,7%; chuối đạt 5,6 triệu USD (chiếm 7,1%), giảm 28,6%; mít đạt 5,3 triệu USD (chiếm 6,7%), giảm 50,8%; chanh leo đạt 4,1 triệu USD (chiếm 5,2%), giảm 9,8%; xoài đạt 1,2 triệu USD (chiếm 1,5%), giảm 43,8%; v.v.

**Hình 7: Cơ cấu các loại rau quả chính xuất khẩu sang Trung Quốc tháng 7/2022**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường Trung Quốc tháng 7 năm 2022 đạt 73,2 triệu USD, chiếm 41,1% tổng giá trị nhập khẩu, tăng 83,4% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 7 tháng đầu năm 2022, giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường này đạt 387,9 triệu USD, chiếm 36,5% tổng giá trị nhập khẩu, tăng 63,8% so với cùng kỳ năm 2021. Trong tháng 7/2022, các mặt hàng Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là: tỏi đạt 15,3 triệu USD (chiếm 20,8% tổng giá trị nhập khẩu), tăng 89,6% so với cùng kỳ năm trước; cà rốt đạt 9,6 triệu USD (chiếm 13,2%), tăng 192,8%; nấm các loại đạt 8,2 triệu USD (chiếm 11,2%), tăng 144,5%; nho đạt gần 5 triệu USD (chiếm 6,8%), tăng 215,1%; hành các loại đạt 3,7 triệu USD (chiếm 5,1%), tăng 38,3%; v.v.

## 4. CÀ PHÊ

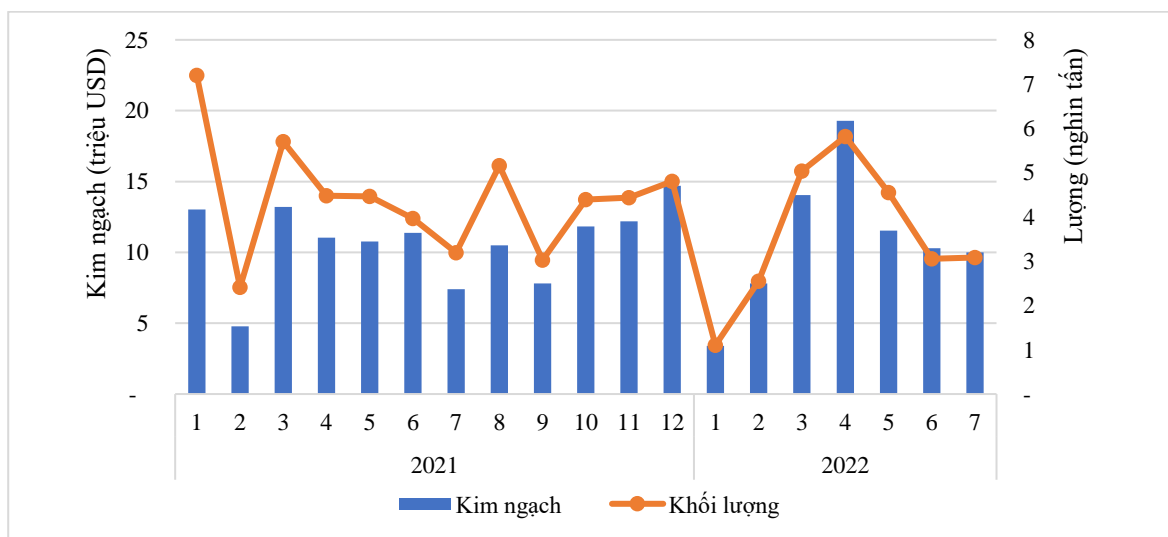
Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan Trung Quốc, nửa đầu năm nay, trị giá nhập khẩu cà phê của Trung Quốc đạt 252,82 triệu USD, tăng 6,2% so với cùng kỳ năm 2021. Trung Quốc tăng nhập khẩu cà phê từ các thị trường Etiopia, Malaysia, Italy nhưng giảm từ Việt Nam, Brazil.

Cụ thể, trị giá nhập khẩu cà phê của Trung Quốc từ Etiopia trong 6 tháng đầu năm 2022 đạt 42,46 triệu USD, tăng 74,5% so với cùng kỳ năm 2021. Thị phần cà phê của Etiopia trong tổng trị giá nhập khẩu của Trung Quốc tăng từ 10,22% trong 6 tháng đầu năm 2021 lên 16,79% trong 6 tháng đầu năm 2022.

Ngược lại, Trung Quốc giảm nhập khẩu cà phê từ Việt Nam trong nửa đầu năm 2022 với mức giảm 15,6% so với cùng kỳ năm 2021, đạt xấp xỉ 28,25 triệu USD. Thị phần cà phê của Việt Nam trong tổng trị giá nhập khẩu của Trung Quốc giảm từ 14,07% trong 6 tháng đầu năm 2021 xuống 11,17% trong 6 tháng đầu năm 2022.

Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Trung Quốc trong tháng 07/2022 ước đạt 3,1 nghìn tấn với trị giá 10,0 triệu USD, tăng 0,9% về lượng nhưng giảm 2,9% về giá trị so với tháng trước, và giảm 3,3% về lượng và tăng 35,0% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

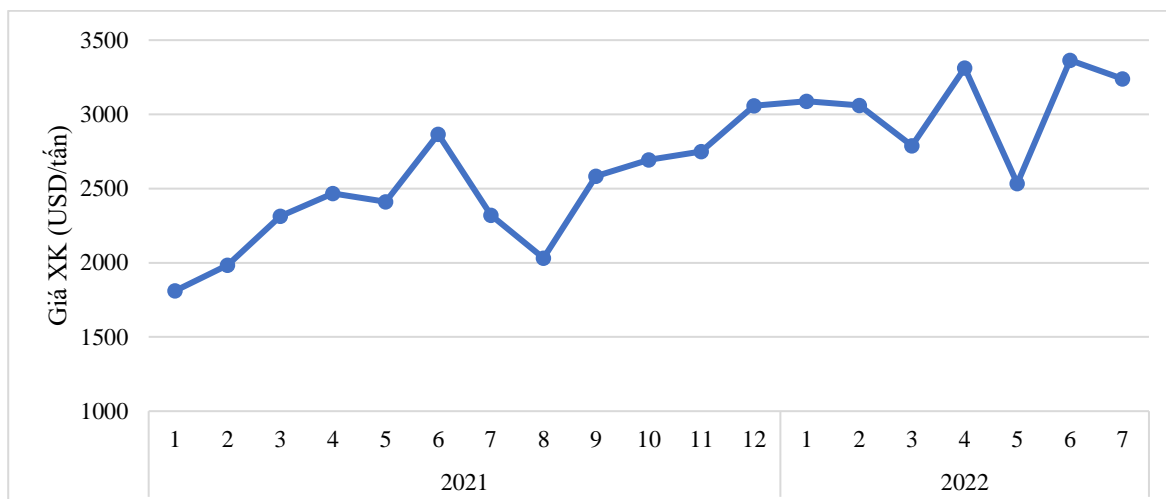
**Hình 8: Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Tháng 07/2022, giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc đạt 3.239 USD/tấn, giảm 3,7% so với tháng trước và tăng 39,6% so với cùng kỳ năm trước.

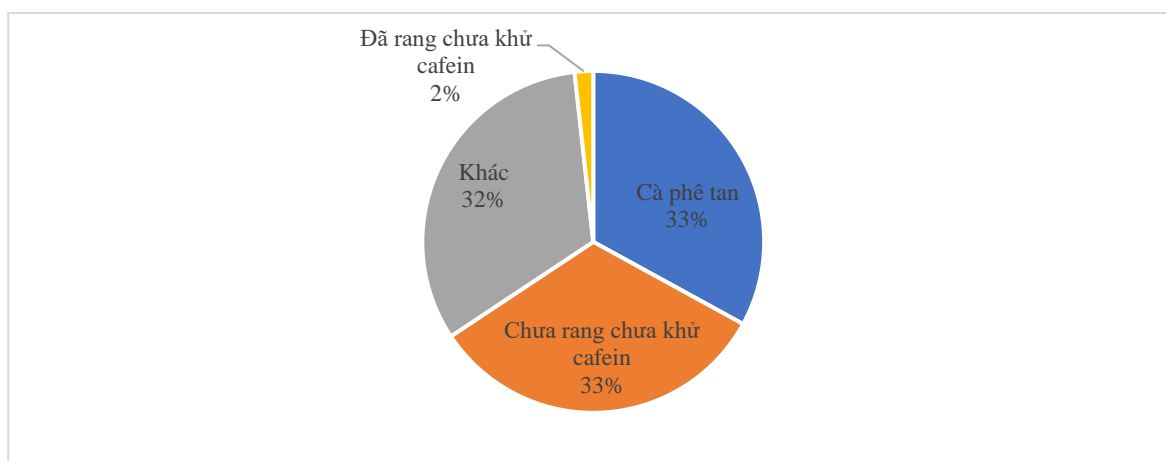
**Hình 9: Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc**



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 07/2022, cà phê tan là loại cà phê có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Trung Quốc đạt 3,3 triệu USD, chiếm 33,0% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là cà phê chưa rang chưa khử cafein với kim ngạch 3,3 triệu USD, chiếm 32,7% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là cà phê đã rang chưa khử cafein chiếm 1,8% tổng giá trị xuất khẩu sang Trung Quốc.

**Hình 10: Chứng loại cà phê xuất khẩu sang Trung Quốc theo kim ngạch tháng 07/2022**



Nguồn: Tổng cục Hải quan

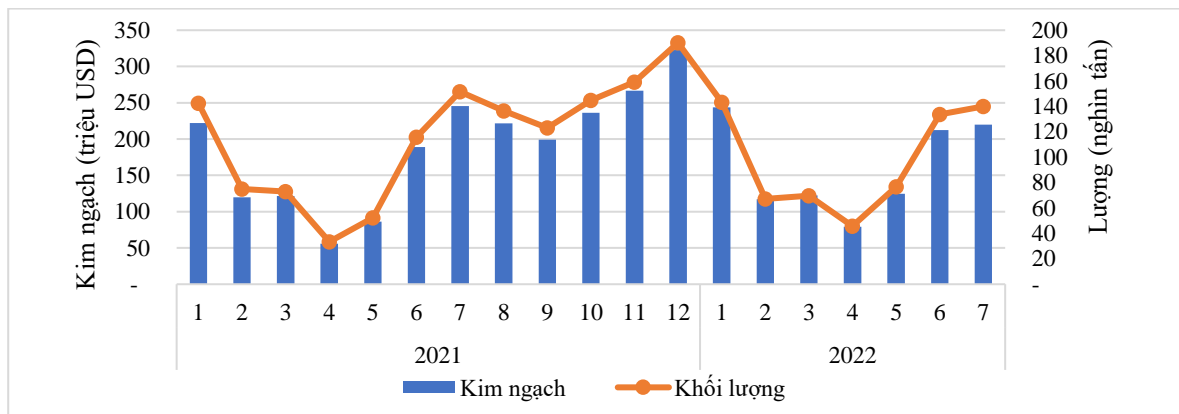
## 5. CAO SU

Nhập khẩu cao su của Trung Quốc tiếp tục tăng trong tháng 7/2022. Theo số liệu của Tổng cục Hải quan Trung Quốc, trong tháng 7/2022, Trung Quốc nhập khẩu 579,7 nghìn tấn cao su tự nhiên và tổng hợp (kể cả mũ cao su), với trị giá 1,06 tỷ USD, tăng 8,3% về lượng và tăng 4,5% về trị giá so với tháng 6/2022; so với tháng 7/2021 tăng 10,4% về lượng và tăng 10,9% về trị giá. Lũy kế 7 tháng đầu năm 2022, Trung

Quốc nhập khẩu 3,97 triệu tấn cao su tự nhiên và tổng hợp, trị giá 7,48 tỷ USD, tăng 4,1% về lượng và tăng 10,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 07/2022, xuất khẩu cao su của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc ước đạt 140 nghìn tấn với trị giá 220 triệu USD, tăng 4,8% về khối lượng và 3,6% về giá trị so tháng trước. So với cùng kỳ năm 2021 giảm 7,6% về khối lượng và 10,3% về giá trị.

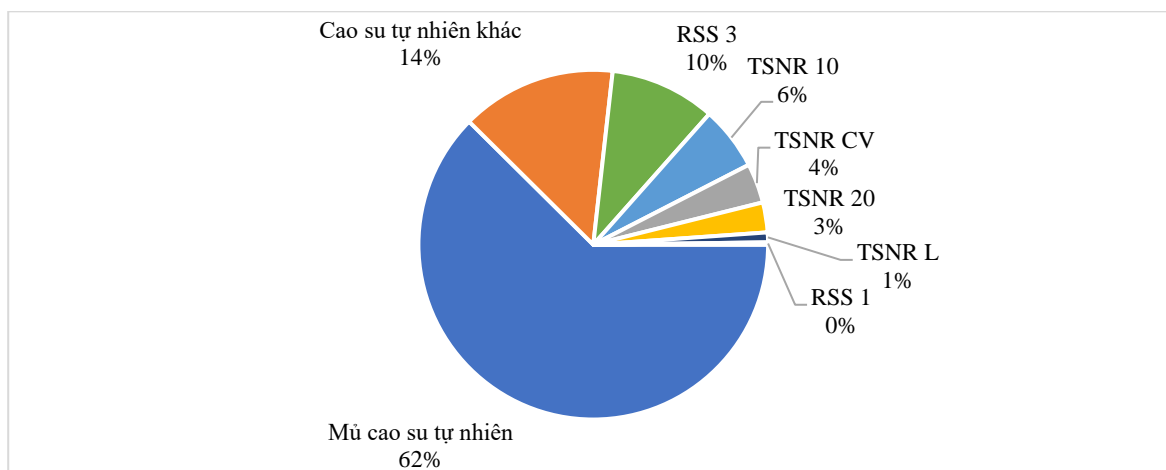
**Hình 11: Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc**



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 07/2022, mủ cao su tự nhiên là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Trung Quốc đạt 21,8 triệu USD, chiếm 62,4% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là RSS 3 với kim ngạch 3,4 triệu USD, chiếm 9,8% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là TSNR 10, TSNR CV và TSNR 20 chiếm lần lượt 5,9%, 3,7 % và 2,8% tổng giá trị xuất khẩu. Cuối cùng là TSNR L và RSS 1 chiếm lần lượt là 0,9% và 0,2% tổng giá trị xuất khẩu sang Trung Quốc.

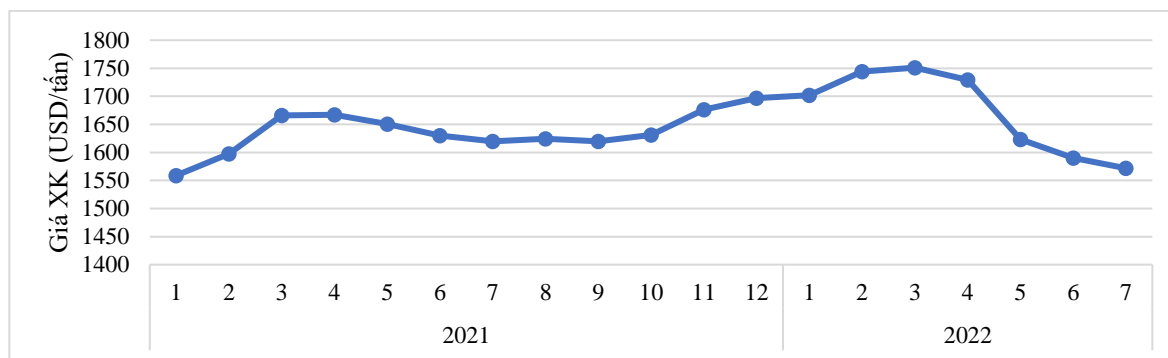
**Hình 12: Chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc theo kim ngạch tháng 06/2022**



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá cao su xuất khẩu trung bình sang thị trường Trung Quốc tháng 07/2022 đạt mức 1.572 USD/tấn, giảm 2,1% so với tháng trước và giảm 3% so với cùng kỳ 2021.

**Hình 13: Giá cao su tự nhiên xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc**



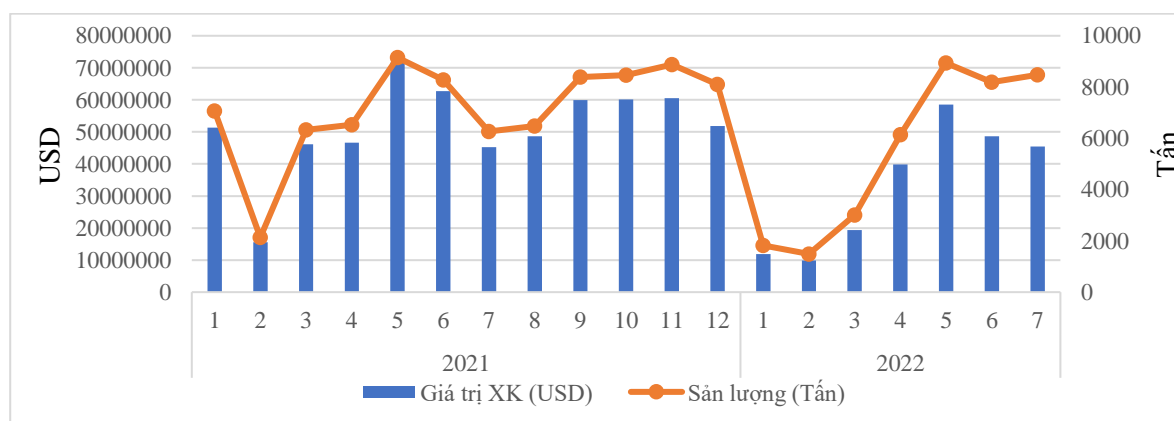
Nguồn: Tổng cục Hải quan

## 6. HẠT ĐIỀU

Theo Cơ quan Hải quan Trung Quốc, nhập khẩu hạt điều của thị trường này trong 6 tháng đầu năm 2022 đạt 141,58 triệu USD, tăng 133,7% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, Việt Nam là nguồn cung hạt điều lớn nhất cho Trung Quốc, trị giá 124,9 triệu USD, tăng 146% so với cùng kỳ năm 2021. Thị phần hạt điều của Việt Nam trong tổng trị giá nhập khẩu của Trung Quốc tăng từ 83,79% trong 6 tháng đầu năm 2021 lên 88,22% trong 6 tháng đầu năm 2022. Bên cạnh đó, thị phần hạt điều của Mi-an-ma trong tổng trị giá nhập khẩu của Trung Quốc chiếm 6,44%; Tô-gô chiếm 3,34%; Bờ Biển Ngà chiếm 1,82% trong 6 tháng đầu năm 2022.

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 7/2022, Việt Nam xuất khẩu điều sang thị trường Trung Quốc đạt 8,47 nghìn tấn, trị giá 45,4 triệu USD, tăng 3,5% về khối lượng và giảm 6,5% về giá trị so với tháng trước. So với cùng kỳ năm trước, xuất khẩu điều sang thị trường Trung Quốc tăng 35,1% về khối lượng và 0,4% về giá trị.

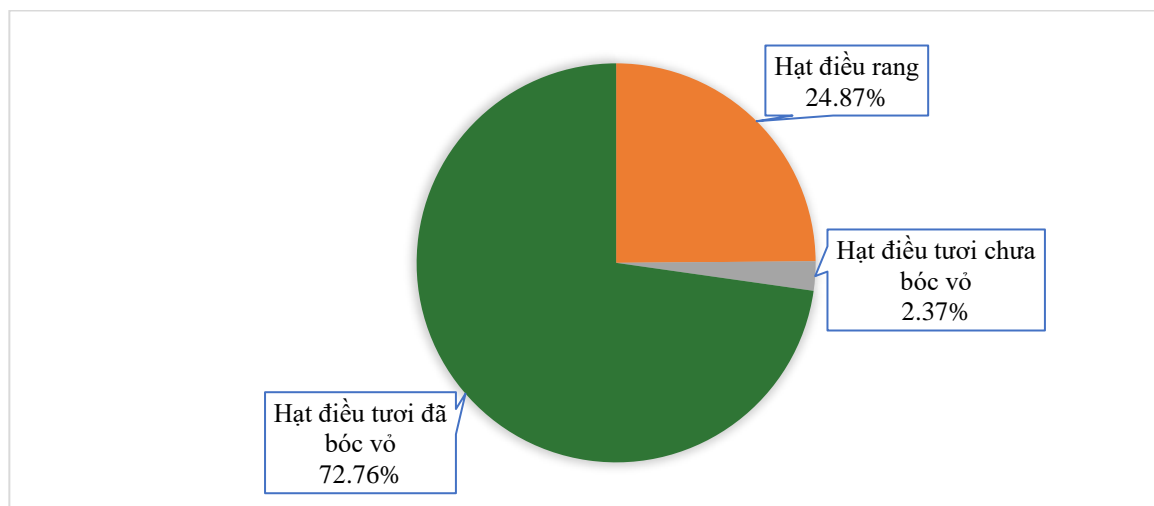
**Hình 14: Khối lượng và giá trị xuất khẩu điều sang thị trường Trung Quốc**



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Xuất khẩu điều tươi đã bóc vỏ vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất trong các sản phẩm điều xuất khẩu sang thị trường này, chiếm 72,76% đạt 33,3 triệu USD giảm 9,8% so với tháng trước và tăng 27,6% so với cùng kỳ năm trước. Đứng thứ 2 là hạt điều rang chiếm 24,87% đạt 11,4 triệu USD, cuối cùng là hạt điều tươi chưa bóc vỏ đạt 1,1 triệu USD chiếm 2,37%.

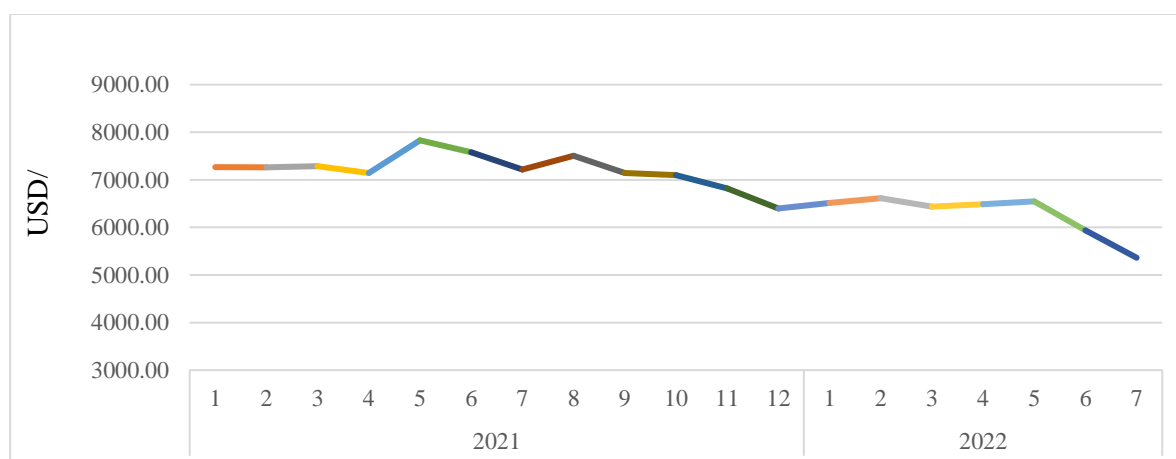
**Hình 15: Cơ cấu giá trị hạt điều xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc**



*Nguồn: Tính toán từ số liệu Hải quan*

Giá xuất khẩu điều trung bình sang thị trường Trung Quốc tháng 7/2022 duy trì ổn định. Cụ thể, giá xuất khẩu điều bình quân sang thị trường này đạt 5.362 USD/tấn, giảm 9,7% so với tháng trước và 25,7% so với cùng kỳ năm trước.

**Hình 16. Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Trung Quốc**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

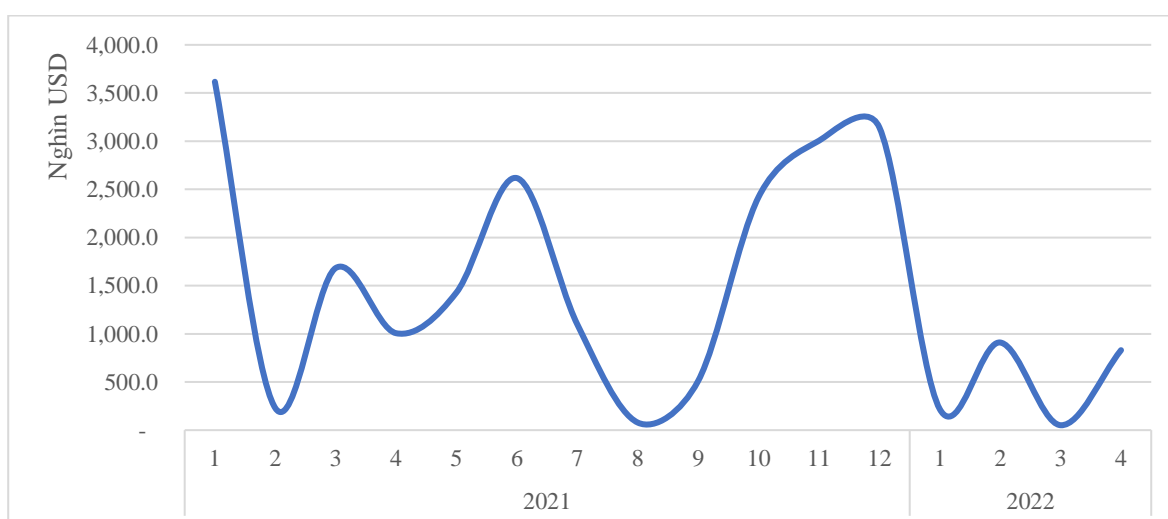
Giá một số loại hạt điều cụ thể xuất khẩu sang thị trường này như sau: Hạt điều tươi đã bóc vỏ đạt 5,6 USD/kg giảm 7,4% so với cùng kỳ năm trước; hạt điều rang đạt 6,2 USD/Kg, giảm 60,6% so với cùng kỳ năm trước.

## 7. THỊT VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ THỊT

Nhập khẩu thịt lợn của Trung Quốc tiếp tục giảm mạnh trong tháng 7/2022. Theo số liệu của Cơ quan Hải quan Trung Quốc, tháng 7/2022, Trung Quốc nhập khẩu 120 nghìn tấn thịt lợn (HS 0203), với trị giá 260,66 triệu USD, giảm 65,1% về lượng và giảm 74,7% về trị giá so với tháng 7/2021. Tính chung 7 tháng đầu năm 2022, nhập khẩu thịt lợn của Trung Quốc đạt 930 nghìn tấn, trị giá 1,87 tỷ USD, giảm 65% về lượng và giảm 75,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, Tây Ban Nha là thị trường lớn nhất cung cấp thịt lợn cho Trung Quốc trong 7 tháng đầu năm 2022, chiếm 29,6% trong tổng trị giá nhập khẩu thịt lợn của Trung Quốc, với 555,46 triệu USD, giảm 77,1% so với cùng kỳ năm 2021. Đứng thứ hai là Bra-xin, trong 7 tháng đầu năm 2022, trị giá nhập khẩu thịt lợn của Trung Quốc từ Bra-xin đạt 416,98 triệu USD, giảm 58,6% so với cùng kỳ năm 2021, chiếm 22,2% tổng trị giá thịt lợn nhập khẩu của Trung Quốc.

Kể từ tháng 5 đến nay, Việt Nam không xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang thị trường Trung Quốc. Báo cáo mới nhất của USDA về thị trường và thương mại thế giới cho hay Trung Quốc được dự báo sẽ vẫn là nhà nhập khẩu thịt heo hàng đầu thế giới, chiếm 20% tổng lượng xuất khẩu toàn cầu, mặc dù đã giảm đáng kể so với 42% thị phần thương mại vào năm 2020.

**Hình 17: Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang thị trường Trung Quốc**



Nguồn: Tổng cục Hải quan

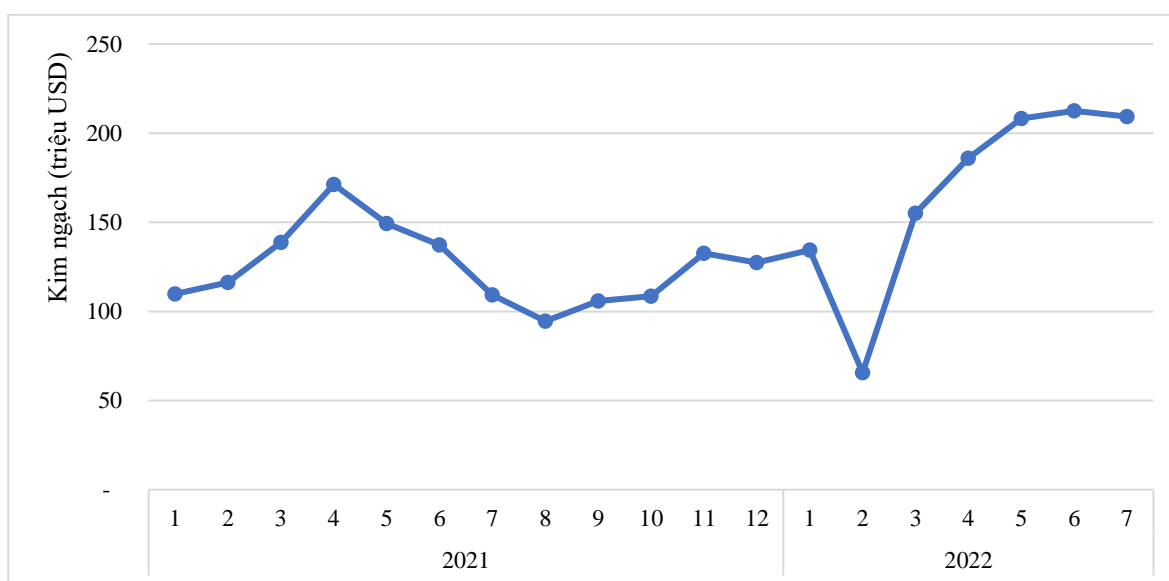
Trong khi đó, về nhập khẩu, tổng giá trị nhập khẩu các sản phẩm thịt từ thị trường Trung Quốc của Việt Nam trong tháng 7/2022 có xu hướng tăng đạt 658,9 nghìn USD, tăng 19,2% so với tháng trước.

Báo cáo mới nhất của USDA về thị trường và thương mại thế giới cho hay Trung Quốc được dự báo sẽ vẫn là nhà nhập khẩu thịt heo hàng đầu thế giới, chiếm 20% tổng lượng xuất khẩu toàn cầu, mặc dù đã giảm đáng kể so với 42% thị phần thương mại vào năm 2020. Nhu cầu của Trung Quốc giảm mạnh khiến các nhà xuất khẩu lớn như EU, Brazil và Mỹ tìm kiếm các thị trường để bù đắp lượng thương mại bị giảm sút. Theo đánh giá của Bộ Nông nghiệp và Nông thôn Trung Quốc, nguồn cung heo hơi trong các tháng cuối năm 2022 được đảm bảo và giá cả sẽ không tăng mạnh. Giá heo tại Trung Quốc liên tục giảm trong mấy tuần gần đây, nhưng Cơ quan chức năng Trung Quốc vẫn đang cân nhắc xả kho dự trữ thịt heo để tiếp tục hạ giá.

## 8. GỖ VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ GỖ

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 07/2022, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Trung Quốc ước đạt 209,3 triệu USD, giảm 1,6% so với tháng trước nhưng tăng 91,4% so với cùng kỳ năm 2021.

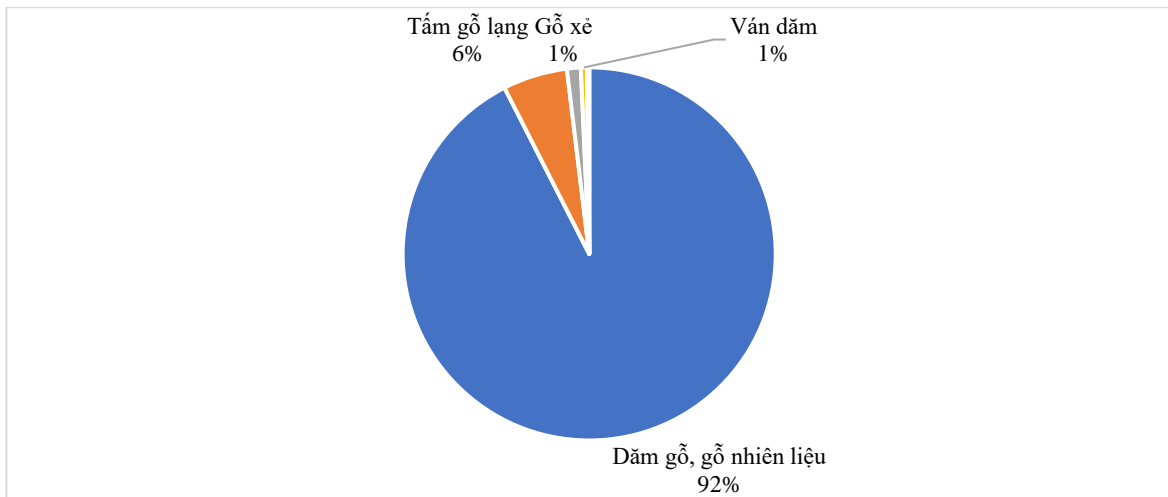
**Hình 18: Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Trung Quốc**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Trong tháng 07/2022, dăm gỗ, gỗ nhiên liệu là chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Trung Quốc đạt 191,1 triệu USD, chiếm 92,5% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là tấm gỗ lạng với kim ngạch 11,6 triệu USD, chiếm 5,6% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là gỗ xẻ và ván dăm, chiếm lần lượt 1,2% và 0,5% tổng giá trị xuất khẩu sang Trung Quốc.

**Hình 19: Chứng loại gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44) xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc theo kim ngạch tháng 07/2022**



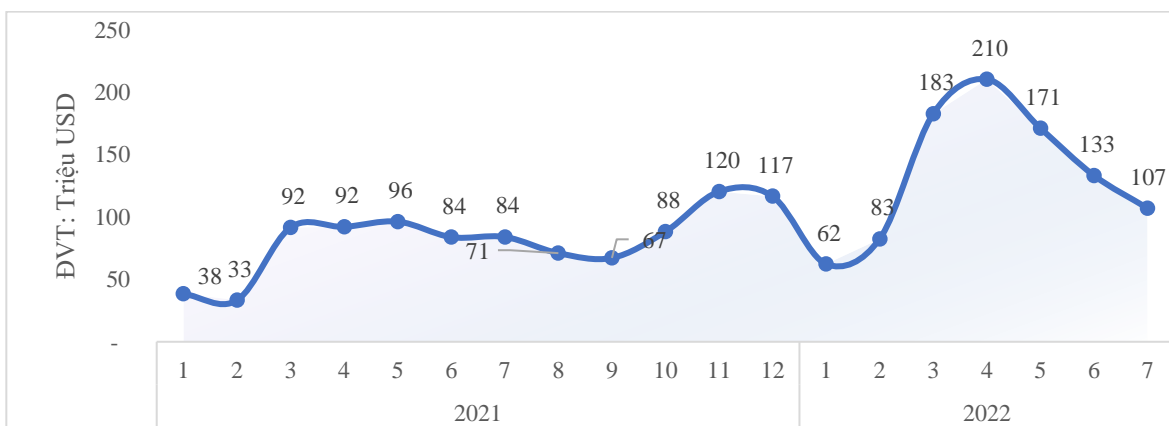
Nguồn: Tổng cục Hải quan

## 9. THỦY SẢN

Tại Trung Quốc, giá cá rô phi nguyên liệu giảm từ 11,2 NDT/kg trong tháng 4/2022 xuống còn khoảng 8 NDT/kg trong tháng 7/2022. Giá cá rô phi giảm sau khi Hoa Kỳ thông báo cân nhắc việc loại bỏ thuế 25% đối với một số hàng hoá nhập khẩu từ Trung Quốc, khiến một số công ty nhập khẩu của Hoa Kỳ tạm dừng mua hàng để chờ thông tin chính thức, đồng thời mùa hè cũng là mùa thấp điểm đối với mặt hàng này. Nhu cầu cá rô phi trong mùa hè tại Hoa Kỳ thường giảm cho đến khi học sinh đến trường trở lại vào tháng 9, cùng với các dịp lễ hội cuối năm, nhu cầu sẽ tăng lên.

Theo Tổng cục Hải quan, xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc tháng 7/2022 đạt 107,1 triệu USD, tăng 27,5% so với cùng kỳ năm trước, và giảm 19,1% so với tháng 6/2022, đưa tổng kim ngạch xuất khẩu 7 tháng đầu năm sang thị trường này đạt 950 triệu USD tăng 82,7% so với cùng kỳ năm 2021.

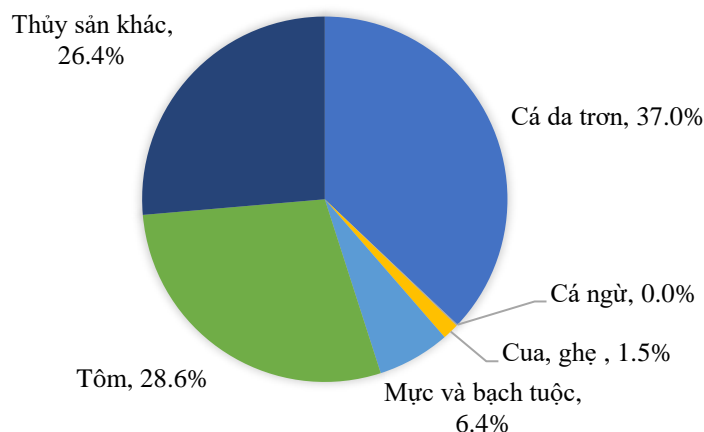
**Hình 20. Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc**



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 7/2022, cá da trơn và tôm vẫn là 2 mặt hàng xuất khẩu chính trong tháng này: tôm chiếm 28,6%; cá da trơn chiếm 37%. Xuất khẩu thủy sản sang thị trường này có xu hướng giảm nhẹ sau khi tăng mạnh từ tháng 4 đến nay, tuy nhiên dự báo xuất khẩu thủy sản sang thị trường này sẽ có nhiều triển vọng ở các tháng cuối năm.

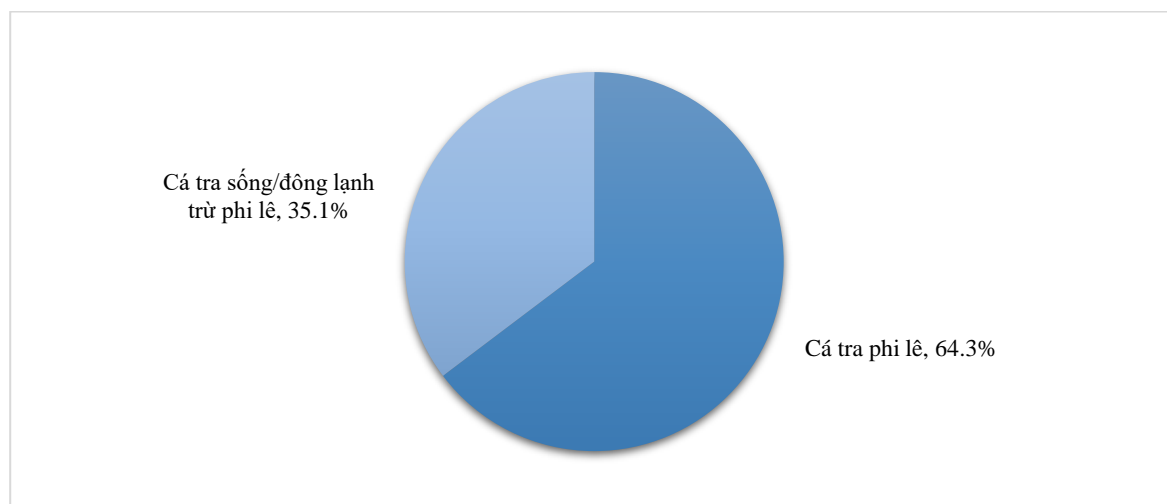
**Hình 21. Cơ cấu mặt hàng thủy sản xuất khẩu tháng 7/2022**



*Nguồn: Tính toán từ số liệu Hải quan*

Xuất khẩu cá da trơn sang thị trường này tiếp tục giảm so với tháng trước, giảm 15,3% nhưng vẫn tăng 49,4% so với cùng kỳ năm 2021. Giá trị xuất khẩu cá da trơn trong tháng này đạt 39,7 triệu USD, chiếm 37% tổng giá trị thủy sản xuất khẩu sang thị trường này. Trong đó, cá tra phi lê chiếm tới 64,3%, đạt 25,5 triệu USD, tăng 24,7% so với cùng kỳ năm trước và giảm 20,2% so với tháng trước; cá tra sống/đông lạnh trừ phi lê chiếm 35,1%, đạt 13,9 triệu USD, tăng 127,7% so với năm 2021 và giảm 6,4% với tháng 6/2022.

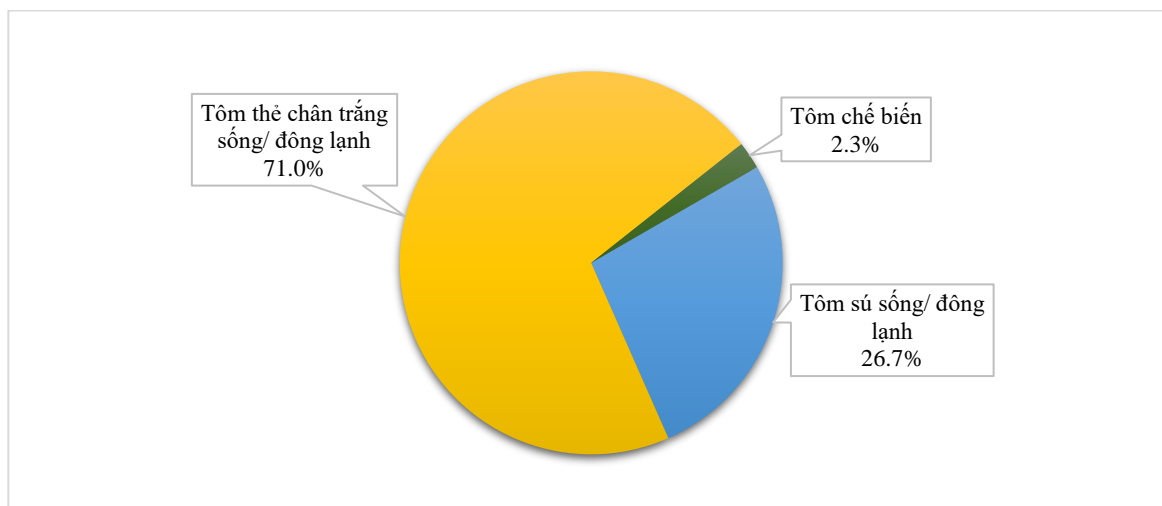
**Hình 22. Cơ cấu xuất khẩu cá tra sang thị trường Trung Quốc tháng 7/2022**



*Nguồn: Tính toán từ số liệu Hải quan*

Tháng 7/2022, giá trị xuất khẩu tôm sang thị trường đạt 30,6 triệu USD, giảm 14,4% so với cùng kỳ năm trước và 38,3% so với tháng trước. Trong đó, giá trị xuất khẩu tôm thẻ chân trắng đạt 21,6 triệu USD, chiếm 70,6% và tăng 39,4% so với cùng kỳ năm 2021; tôm sú sống/đông lạnh đạt 8,1 triệu USD, chiếm 26,6%, tăng 23,5%; tôm chế biến đạt 0,7 triệu USD, chiếm 2,3% và giảm 57,9%.

**Hình 23. Cơ cấu xuất khẩu tôm sang thị trường Trung Quốc tháng 7/2022**



*Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan*

Một số loại thủy sản khác xuất khẩu sang thị trường này tháng 7/2022 như sau: mực và bạch tuộc đạt 6,9 triệu USD, chiếm 6,4% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc và tăng 166,9% so với cùng kỳ năm trước; cua – ghẹ đạt 1,6 triệu USD, chiếm 1,5%, giảm 58,1%; thủy sản khác đạt 28,2 triệu USD, chiếm 26,4%, tăng 86,6%.

Về giá bình quân xuất khẩu một số mặt hàng thủy sản sang thị trường này tháng 7/2022 như sau: cá da trơn đạt 2,3 USD/kg, tăng 28,6% so với cùng kỳ năm trước và tăng 2,5% so với tháng 6/2022; tôm đạt 7,6 USD/kg, giảm 32% so với cùng kỳ năm 2021 và giảm 14,2% so với tháng trước. Cụ thể:

**Bảng 1. Giá xuất khẩu trung bình một số sản phẩm thủy sản tháng 7/2022**

TT	Sản phẩm	Giá (USD/kg)	So năm trước (%)	So tháng trước (%)
1	Cá da trơn	2,3	28,4%	2,5%
2	Cua, ghẹ	2,2	13,2%	-3,0%
3	Mực và bạch tuộc	8,2	18,0%	-13,5%
4	Tôm	3,4	29,9%	30,3%

*Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan*

# NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

## 1. Cà phê

Theo Hiệp hội Cà phê - Cacao Việt Nam (Vicofa), xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong những tháng cuối năm sẽ đối mặt với khó khăn do chính sách "zero COVID" của Trung Quốc. Tuy nhiên, tại thị trường Trung Quốc, cà phê hòa tan, cà phê chế biến sẵn đang chiếm thị phần lớn nhờ sự tiện lợi trong việc sử dụng. Nhu cầu tiêu thụ cà phê tại Trung Quốc đang tăng với tốc độ trung bình 15%/năm vì nhu cầu thưởng thức cà phê của người dân tăng. Chính vì vậy, tiềm năng nhập khẩu cà phê Việt Nam của Trung Quốc còn rất lớn.

## 2. Lúa gạo

Miền nam Trung Quốc đã phải hứng chịu đợt hạn hán khô hạn nhất trong hơn 60 năm trở lại đây. Điều này khiến cho nhiều sông hồ bị khô cạn, cụ thể như hồ Bá Dương – hồ nước ngọt lớn nhất Trung Quốc, đã bị cạn 75% lượng nước so với trung bình. Một số diện tích lúa có thể sẽ mất 20% năng suất so với thông thường do tác động của hạn hán. Tuy nhiên, chính quyền các tỉnh và người dân trồng lúa Trung Quốc đang cố gắng khắc phục tình hình bằng cách: đào hoặc nối thêm các đường dẫn nước mới từ sông ngòi, ao hồ chưa cạn để dồn nước vào các thửa ruộng, thậm chí đang xem xét áp dụng các công nghệ hiện đại về rải hóa chất vào các đám mây để tạo mưa, phun chất giữ nước trên đồng lúa để hạn chế bốc hơi... Do đó, Viện Khoa học Xã hội Trung Quốc cho rằng Trung Quốc vẫn có thể khống chế được tình hình hạn hán và thiệt hại sản lượng trên diện rộng khó có thể xảy ra.

## 3. Rau quả

Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công thương) dự báo nửa cuối năm 2022, xuất khẩu hàng rau quả sẽ khả quan hơn khi hoạt động thông quan mặt hàng rau quả qua các cửa khẩu biên giới đất liền với Trung Quốc thuận lợi hơn. Theo đó, xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam có nhiều triển vọng tăng trưởng sang thị trường này nếu tình hình dịch bệnh được kiểm soát tốt, bởi nhu cầu tiêu thụ hàng rau quả tại Trung Quốc sẽ tăng mạnh.

Tuy nhiên, đà tăng trưởng của ngành hàng này vẫn chưa thể bứt phá trong năm 2022, nếu Trung Quốc chưa gỡ bỏ chính sách "Zero COVID", xung đột giữa Nga-Ukraine vẫn chưa đến hồi kết và tình hình lạm phát gia tăng tại nhiều quốc gia. Bên cạnh đó, vấn đề an toàn vệ sinh thực phẩm vẫn là rào cản đối với hoạt động xuất khẩu rau quả của Việt Nam. Cục Xuất nhập khẩu khuyến cáo, các doanh nghiệp trong ngành hàng rau quả của Việt Nam phải thay đổi phương thức sản xuất theo hướng an toàn,

có các tiêu chuẩn cụ thể, quản lý quy trình canh tác, đáp ứng yêu cầu truy xuất nguồn gốc để đẩy mạnh xuất khẩu vào thị trường Trung Quốc trong thời gian tới.

Đại diện Ban quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng đề nghị UBND tỉnh Đồng Tháp và UBND các tỉnh, thành phố có hàng nông sản, hoa quả xuất khẩu sang Trung Quốc qua các cửa khẩu đường bộ cần tăng cường giám sát, quản lý, đảm bảo các vùng trồng, vùng sản xuất xuất khẩu an toàn với dịch bệnh COVID-19, đảm bảo chất lượng sản phẩm, công tác thu hái, đóng gói, bảo quản, vận chuyển hàng hóa được thực hiện theo đúng quy định và yêu cầu của thị trường nhập khẩu; kiểm soát chặt chẽ đối với hàng hóa là hoa quả phải bảo quản trong container lạnh trong quá trình vận chuyển nhằm hạn chế nguy cơ virus SARS-CoV-2 tồn tại bên ngoài bao bì các sản phẩm đông lạnh.

#### **4. Sản và các sản phẩm từ sản**

Do giá xăng dầu tăng cao, Trung Quốc đã tăng cường sử dụng sản và ngô để sản xuất xăng sinh học (ethanol) điều này khiến nhu cầu nhập khẩu sản của nước này tăng cao trong tháng 7/2022. Ngoài sản xuất ethanol, Trung Quốc còn sử dụng sản lát và tinh bột sản để làm thức ăn chăn nuôi nhằm giảm chi phí khi giá các nguyên liệu thức ăn chăn nuôi cũng tăng mạnh.

Tại thị trường Trung Quốc, sản và tinh bột sản của Việt Nam đang phải cạnh tranh mạnh với sản và tinh bột sản của Thái Lan, Lào và Campuchia. Giữa tháng 7/2022, hiệp hội tinh bột sản Thái Lan thông báo hạ giá sản xuất khẩu tinh bột sản để tăng sức cạnh tranh với Việt Nam. Điều này tạo sức ép cho xuất khẩu mặt hàng này do Việt Nam vẫn phụ thuộc nhiều vào thị trường Trung Quốc. Mặt khác, Trung Quốc hay thay đổi về chính sách xuất nhập khẩu gây ảnh hưởng không nhỏ tới doanh nghiệp xuất khẩu nông sản của Việt Nam trong đó có ngành sản.

Dự báo thời gian tới, nhu cầu mua sản và tinh bột sản từ Trung Quốc vẫn tăng do dự trữ lương thực, ngũ cốc cho tiêu dùng. Ngoài ra, các ngành công nghiệp năng lượng và thức ăn chăn nuôi cũng chuyển sang nhập khẩu các sản phẩm từ sản để thay thế, dẫn đến tăng nhu cầu đối với sản.

#### **5. Cao su**

Trong những tháng gần đây, nhu cầu nhập khẩu cao su của Trung Quốc có xu hướng tăng trở lại. Tuy Trung Quốc vẫn thực hiện chính sách “Zero Covid”, nhưng quốc gia này cũng đang cần nhập khẩu lượng mũ cao su và cao su sơ chế rất lớn để phục vụ cho sản xuất các sản phẩm cao su của nước này.

#### **6. Thủy sản**

Trung Quốc là thị trường lớn và có lợi thế đối với thủy sản Việt Nam do Việt Nam có lợi thế về chi phí logistics với các nước cạnh tranh trực tiếp như Ecuador; Ấn Độ. Thị trường thủy sản Trung Quốc đang có dấu hiệu bùng nổ trở lại trong thời gian gần đây mang lại cơ hội lớn cho các nhà xuất khẩu thủy sản quốc tế. Nhu cầu tiêu dùng ngày càng tăng của Trung Quốc, cộng với sự thiếu hụt nguồn cung thủy, hải sản trong nước đã khiến nhập khẩu thủy sản của Trung Quốc trong những tháng đầu năm. Dự báo, nhu cầu tiêu dùng ngày càng tăng của Trung Quốc, cộng với sự thiếu hụt nguồn cung thủy, hải sản trong nước đã khiến nhập khẩu thủy sản của Trung Quốc nhất là đối với một số mặt hàng chính như tôm, cá tra.

## PHỤ LỤC

Bảng 1: Xuất khẩu NLTS chính của Việt Nam sang Trung Quốc tháng 7/2022

Sản phẩm	Tháng 7.2022 (USD)	Tăng/giảm so T6/2022(%)	Tăng/giảm so T7/2021(%)	Tỷ trọng (%)
<b>Tổng XK NLTS</b>	<b>797.114.524</b>	<b>-9,7%</b>	<b>7,0%</b>	<b>100,0%</b>
Cà phê	9.990.339	-2,9%	35,0%	1,3%
Cao su	220.092.246	3,6%	-10,3%	27,6%
Chè	1.481.689	-47,6%	-11,3%	0,2%
Gạo	14.534.856	-41,7%	-50,9%	1,8%
Gỗ và SP Gỗ	209.266.546	-1,6%	91,4%	26,3%
Rau quả	79.332.766	-6,0%	-32,9%	10,0%
Hàng thủy sản	107.125.038	-19,7%	27,5%	13,4%
Hạt điều	45.427.345	-6,5%	0,4%	5,7%
Mây tre đan	621.051	-24,7%	1,3%	0,1%
Sắn & SP sắn	80.633.774	-27,6%	15,7%	10,1%
TÀGS & NL	28.608.874	-29,5%	-12,8%	3,6%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 2: Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang Trung Quốc tháng 7/2022

Sản phẩm	T7/2021 (USD)	T7/2022 (USD)	So sánh T7.2022/T7.2021
<b>Tổng giá trị XK</b>	<b>118.261.655</b>	<b>79.332.766</b>	<b>-32,9%</b>
Thanh long	64.582.143	28.180.963	-56,4%
Vải	4.702.603	9.068.881	92,8%
Dừa	3.317.821	7.520.030	126,7%
Chuối	7.890.191	5.635.565	-28,6%
Mít	10.795.612	5.316.040	-50,8%
Chanh leo	4.531.015	4.088.409	-9,8%
Xoài	2.173.997	1.222.714	-43,8%
Nhãn	646.575	414.774	-35,9%
Sầu riêng	3.030.947	218.231	-92,8%
Mãng cụt	23.576	18.396	-22,0%
Chôm chôm	46.116	10.211	-77,9%
Dừa hấu	59.894	-	-100,0%
Khác	16.461.166	17.638.552	7,2%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

**Bảng 3: Giá trị xuất khẩu một số loại cà phê chính sang Trung Quốc tháng 7/2022**

Sản phẩm	T07/2021 (USD)	T07/2022 (USD)	So sánh 2022/2021
<b>Tổng</b>	<b>7.379.341</b>	<b>10.018.276</b>	<b>35,76%</b>
Chưa rang chưa khử cafein	3.865.654	3.274.899	-15,28%
Cà phê tan	1.733.880	3.304.417	90,58%
Khác	1.729.796	3.263.463	88,66%
Đã rang chưa khử cafein	50.011	175.497	250,92%

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

**Bảng 4: Xuất khẩu sản phẩm thủy sản sang thị trường Trung Quốc tháng 7/2022**

Sản phẩm	Tháng 7/2022 (USD)	Tháng 7/2022 (USD)	So sánh 2022/21 (%)
Cá da trơn	39.686.620,5	26.566.783,5	49,4%
Cua, ghe	1.554.816,0	3.707.489,5	-58,1%
Mực và bạch tuộc	6.884.932,7	2.579.903,4	166,9%
Tôm	30.625.718,3	35.797.323,9	-14,4%
Thủy sản khác	28.244.681,8	15.138.134,3	86,6%
<b>Tổng</b>	<b>107.125.038,0</b>	<b>84.052.115,4</b>	<b>27,5%</b>

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

**Bảng 5: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang Trung Quốc tháng 7/2022**

Sản phẩm	Tháng 7/2021		Tháng 7/2022		So sánh 2022/2021 (%)	
	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
Gạo nếp	44.969	19.337.026	18.427	8.762.412	-59,0%	-54,7%
Gạo thơm	11.710	7.579.883	8.981	5.627.104	-23,3%	-25,8%
Gạo Japonica	0	0	209	145.340	n/a	n/a
Các loại gạo khác	5.829	2.677.484	0	0	-100,0%	-100,0%

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

**Bảng 6: Xuất khẩu sản phẩm sắt và sản phẩm sắt sang thị trường Trung Quốc tháng 7/2022**

Sản phẩm	T7.2021 (USD)	T7.2022 (USD)	So sánh T7.2022/T7.2021
Tổng giá trị XK	69.716.124	80.633.774	16%
Tinh bột sắt	57.303.334	72.882.761	27%
Sắt, mì thô, thái lát, đông lạnh	12.412.790	7.751.013	-38%

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*